



XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN KHAI THÁC HẢI SẢN TRONG VÙNG BIỂN CHỒNG LẤN GIỮA VIỆT NAM VÀ CÁC QUỐC GIA TRONG KHU VỰC

Lê Khắc Đại

Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Đường Võ Văn Kiệt, Huế, Việt Nam

Liên hệ: Lê Khắc Đại <dailk@hul.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 11-3-2021; Ngày chấp nhận đăng: 14-6-2021)

Tóm tắt. Tác giả nghiên cứu vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam và các nước trong khu vực, những xung đột pháp lý hiện nay giữa các quốc gia trong vùng biển chồng lấn liên quan đến các quy định về khai thác, đánh bắt hải sản và những tác động của nó đến hoạt động khai thác hải sản của ngư dân Việt Nam. Từ đó, tác giả có những kiến nghị và giải pháp cho việc bảo đảm quyền khai thác của ngư dân Việt Nam trên các vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam và các quốc gia trong khu vực đó.

Từ khóa: vùng biển chồng lấn, có tranh chấp, ngư dân, đánh bắt xa bờ, khai thác hải sản

Conflicts on aquatic resources exploitation right in overlapping seas between Vietnam and other countries in the region

Le Khắc Đại

University of Law, Hue University, Vo Van Kiet St., Hue, Vietnam

Correspondence to Le Khắc Đại <dailk@hul.edu.vn>

(Received: March 11, 2021; Accepted: June 14, 2021)

Abstract. The author studies the overlapping waters between Vietnam and other countries in the region and the current legal conflicts between countries in the overlapping sea, relating to regulations on fishing, other fishing's legal issues, and their impact on Vietnamese fishermen's fishing activities. Then, the author suggests recommendations and solutions to ensuring the fishing rights of Vietnamese fishermen in these waters.

Keywords: overlapping sea area, disputation, fishermen, offshore fishing, fishing

1. Đặt vấn đề

Hiện tại Việt Nam đang có vùng biển chồng lấn và có những tranh chấp về chủ quyền và quyền chủ quyền với hầu hết cả các quốc gia trong khu vực có vùng biển liền kề hoặc đối bờ với Việt Nam¹. Từ lâu các vùng biển chồng lấn này là một phần trong các ngư trường truyền thống, trọng điểm trong khai thác và đánh bắt xa bờ của ngư dân Việt Nam. Tuy nhiên, do những tranh chấp về chủ quyền tại đây trong những năm qua và để cụ thể hóa yêu sách chủ quyền của quốc gia mình trên các vùng biển chồng lấn có tranh chấp, các quốc gia trong khu vực đã và đang xây dựng, thi hành nhiều quy định và chính sách pháp luật khác nhau trên các vùng biển này. Trong đó có các quy định về hoạt động khai thác, đánh bắt hải sản. Điều này đã và đang gây nhiều khó khăn, trở ngại cho hoạt động khai thác và đánh bắt hải sản của ngư dân Việt Nam trên các vùng biển đó. Do vậy, phải có giải pháp cấp bách hiệu quả để giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp, xung đột trên các vùng biển chồng lấn này góp phần đảm bảo quyền khai thác chính đáng của ngư dân Việt Nam trên các vùng biển đó.

2. Thực trạng vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam và các quốc gia trong khu vực

2.1. Khái niệm vùng biển chồng lấn

Vùng biển chồng lấn là một khu vực biển mà hai hay nhiều quốc gia đều có yêu sách hợp pháp theo luật pháp quốc tế², trong đó có Công ước Luật biển năm 1982. Vùng biển chồng lấn thường xuất hiện giữa các quốc gia có bờ biển tiếp giáp hoặc đối diện nhau, nhưng khoảng cách giữa bờ biển các nước này không đủ để mỗi nước xác lập chiều rộng tối đa cho các vùng biển của mình mà không chồng lấn lên nhau. [9] Tình trạng chồng lấn khi chưa được các bên liên quan tiến hành đàm phán, phân định ranh giới rõ ràng thì được xếp vào loại tranh chấp biển cần giải quyết giữa các quốc gia ven biển có liên quan. Loại tranh chấp này có nguyên nhân xuất phát từ việc giải thích và áp dụng các quy định của Công ước Luật biển năm 1982. Đây là loại tranh chấp hình thành trong xu hướng thay đổi có tính chất cách mạng về địa chính trị, địa kinh tế trên phạm vi toàn thế giới. [9]

Kể từ khi Công ước luật biển 1982 có hiệu lực đến nay có khoảng 36% diện tích biển và đại dương đã được phân định và xác lập chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của

¹ Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan, Campuchia, Indonesia, Philippines.

² <https://iuscogens-vie.org/2017/11/12/46/>. Truy cập ngày 10/06/2021.

các quốc gia đầy đủ³; còn khoảng 416 tranh chấp về ranh giới biển, thêm lục địa cần được hoạch định; trong đó, khu vực Đông Nam Á có khoảng 15 khu vực tranh chấp. [10, 12]

Việt Nam nằm bên bờ Tây của Biển Đông, là một biển lớn của Thái Bình Dương, việc thiết lập chủ quyền của quốc gia ven biển theo Công ước luật biển 1982 đã góp phần giúp Việt Nam có vùng biển rộng với diện tích khoảng 3.448.000 km², nhưng chính điều này cũng đã tạo ra những vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực. [13]

2.2. Vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam và các quốc gia trong khu vực

Thứ nhất là vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam và Trung Quốc. Sau nhiều năm tranh chấp và đàm phán kéo dài, vào ngày 25 tháng 12 năm 2000, Chính phủ hai nước Việt Nam và Trung Quốc đã đi đến thống nhất ký thỏa thuận phân định lại Vịnh Bắc Bộ, qua đó xác định biên giới phân chia lãnh hải giữa hai quốc gia đồng thời thiết lập một vùng đánh cá chung rộng 33.500 km², có phạm vi từ vĩ tuyến 20 xuống đến đường đống cửa Vịnh, cách đường phân định 30,5 hải lý về mỗi phía. Thời hạn của Vùng đánh cá chung là 12 năm và mặc nhiên ra hạn thêm 3 năm. [6]

Thứ hai, vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam và Thái Lan trong khu vực vịnh Thái Lan là một biển nửa kín, với diện tích khoảng 300.000 km², giới hạn bởi bờ biển của bốn nước Thái Lan (1.560 km), Việt Nam (230 km), Malaixia (150 km) và Campuchia (460 km). Vịnh thông ra Biển Đông ở phía Nam bằng một cửa duy nhất hẹp bởi mũi Cà Mau và mũi Trenggranu cách nhau chừng 400 km (215 hải lý). Vịnh khá dài (chừng 450 hải lý) nhưng có diện tích nhỏ, chiều rộng trung bình là 385 km (208 hải lý)⁴. Do đó, căn cứ vào các quy định mới của Công ước của Liên Hợp quốc về Luật biển năm 1982, toàn bộ Vịnh là đối tượng của các yêu sách mở rộng quyền tài phán của các quốc gia ven biển ra tới hạn 200 hải lý. [5] Thái Lan và Việt Nam là hai nước có bờ biển đối diện, cùng có quyền mở rộng vùng biển của mình, do đó đã tạo ra một vùng chồng lấn rộng khoảng 6.074 km²

Thứ ba là vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam và Campuchia. Vùng biển Việt Nam – Campuchia nằm trong vịnh Thái Lan, là phần phía Tây của biển Đông, tạo thành một vùng lõm rộng trên bờ biển phía Nam của lục địa Đông Dương, trải dài từ vĩ tuyến 5° đến 14° Bắc và từ kinh tuyến 99° đến 105° Đông và kết thúc ở phía Bắc Đông Bắc ở mũi Cà Mau tại 8°36' Bắc – 102°21' Đông. Vùng biển Việt Nam – Campuchia là một biển nửa kín, với diện tích khoảng 300.000 km², giới hạn bởi bờ biển của bốn nước Thái Lan, Việt Nam, Malaysia và

³<http://m.tapchiquptd.vn/vi/bien-dao-viet-nam/vai-net-ve-vung-bien-chong-lan-16597.html#:~:text=Vùng%20biển%20chồng%20lấn%20là,ước%20Luật%20biển%20năm%201982.&text=Loại%20tranh%20chấp%20này%20có,ước%20Luật%20biển%20năm%201982.> ngày đăng 18/01/2021; truy cập 24/03/2021.

⁴ Hà, N., *Giới thiệu về biển, đảo Việt Nam*. 2016.

Campuchia⁵. Trong quá trình đàm phán, Việt Nam và Campuchia chưa thể đi đến thống nhất vì phía Campuchia yêu sách dùng đường Brévié⁶ làm đường biên giới trên biển mặc dù phía Campuchia chưa bao giờ nêu được cơ sở thực tiễn và pháp lý cho lựa chọn này, còn phía Việt Nam thì không đồng ý; do vậy, tồn tại một vùng biển chồng lấn giữa hai quốc gia. [8, 9]

Thứ tư là vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam và Malaysia. Giữa hai quốc gia tồn tại một vùng biển chồng lấn trên thềm lục địa với chiều rộng khoảng 2800 km² ⁷. Khu vực này nằm ở cửa vịnh Thái Lan. Đây là một vùng nước nông với độ sâu trung bình khoảng 50 m. Trên cơ sở thỏa thuận của lãnh đạo cấp cao của hai nước, vào năm 1992, hai bên đã đàm phán giải quyết vấn đề vùng biển chồng lấn và ngay tại vòng họp đầu tiên, hai bên đã đạt được thỏa thuận sẽ khai thác chung dầu khí một phần của khu vực chồng lấn giữa hai nước. [9]

Thứ năm là vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam và Indonesia. Bờ biển lục địa Việt Nam và bờ biển Kalimantan, Indonesia, cách nhau khoảng 474 hải lý, khoảng cách gần nhất giữa các đảo của hai bên là 246 hải lý⁸. Gân đảo Natuna Bắc của Indonesia có một rãnh sâu khoảng 80 mét đến 100 mét. Căn cứ vào các quy định của Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 về việc xác định phạm vi vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, hai nước có một vùng biển, thềm lục địa chồng lấn cần phân định⁹. Nhiều vòng đàm phán khác nhau hai quốc gia đã giúp thu hẹp vùng biển chồng lấn giữa hai bên từ 98.000 km², hình thành bởi đường ranh giới tự nhiên (rãnh sâu) và trung tuyến đảo – đảo, xuống còn khoảng 4.500 km² hiện nay¹⁰. Đồng thời, hai bên đã đi tới thỏa thuận phân định vùng thềm lục địa năm 2003 và có hiệu lực năm 2006. [9]

Thứ sáu là vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam và Philippin và Việt Nam và Brunei. Hiện nay, giữa Việt Nam và hai quốc gia trên chưa ký bất cứ hiệp định nào về phân định, xác định các vùng biển giữa hai bên cùng với đó do yêu sách chủ quyền giữa hai bên. Điều này đã tạo ra một vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam và hai quốc gia trên chủ yếu thuộc vùng thềm lục địa ở Trường Sa¹¹.

⁵ <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-vietnam/654-quan-h-vit-nam-campuchia-va-vn-phan-nh-bien-gii-bin-ti-vnh-thai-lan>; truy cập 22/02/2021.

⁶ <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-vietnam/654-quan-h-vit-nam-campuchia-va-vn-phan-nh-bien-gii-bin-ti-vnh-thai-lan>; truy cập 22/02/2021.

⁷ Biển đảo Việt Nam - lịch sử - chủ quyền - kinh tế - văn hóa, Nhà xuất bản Văn hóa văn nghệ 2016.

⁸ <https://www.tapchiconsan.org.vn/an-ninh2/-/2018/495496/bao-dam-an-ninh-bien%2C-dao-de-phat-trien-ben-vung-kinh-te---xa-hoi-dat-nuoc.aspx>; truy cập 04/04/2021.

⁹ Diến, N.B.J.V.J.o.S.L.S., *Vấn đề Phân định biển trong Luật biển Quốc tế hiện đại*. 2007.

¹⁰ <https://www.tapchiconsan.org.vn/an-ninh2/-/2018/495496/bao-dam-an-ninh-bien%2C-dao-de-phat-trien-ben-vung-kinh-te---xa-hoi-dat-nuoc.aspx>; truy cập 04/04/2021.

¹¹ https://tcnn.vn/news/detail/19601/Bien_va_chien_luoc_bien_cua_mot_so_quoc_gia_hien_nayall.html; truy cập 05/04/2021.

3. Thực trạng xung đột khai thác trong vùng biển chồng lấn của ngư dân Việt Nam với các quốc gia khác

3.1. Quy chế pháp lý của vùng biển chồng lấn theo Công ước luật biển 1982

Hiện tại Công ước luật biển 1982 không có quy định chi tiết cách thức hay biện pháp, cũng như quyền và nghĩa vụ cụ thể của các quốc gia nói chung và quyền khai thác đánh bắt hải sản nói riêng trong vùng biển chồng lấn giữa các quốc gia mà chỉ có những quy định mang tính chất nguyên tắc. [1, 3]

Vấn đề phân định ranh giới các vùng chồng lấn đặc quyền kinh tế và thềm lục địa được quy định ở Điều 74 và 83. [1] Nội dung của hai điều này về cơ bản là giống nhau; theo đó, việc phân định vùng đặc quyền kinh tế/thềm lục địa giữa các quốc gia có bờ biển liền kề hoặc đối diện nhau được thực hiện bằng con đường thỏa thuận phù hợp với luật pháp quốc tế như đã nêu ở Điều 38 của Quy chế Tòa án Công lý Quốc tế để đi đến một giải pháp công bằng¹². Ngoài quy định trên, các quốc gia còn có nghĩa vụ tuân thủ các nguyên tắc cấm dùng và đe dọa dùng vũ lực, nguyên tắc hòa bình giải quyết các tranh chấp trong luật quốc tế¹³. Quy định này nhằm tạo điều kiện cho các quốc gia chủ động thỏa thuận về phân định vùng biển chồng lấn giữa các quốc gia với nhau. Tuy nhiên, hiện nay các vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam với các quốc gia vẫn chưa thể phân định một cách đầy đủ do còn nhiều mâu thuẫn, bất đồng giữa các bên. Chính điều này đã tạo ra những xung đột pháp luật nói chung trong đó có các xung đột về quy định khai thác hải sản trong vùng biển chồng lấn khi các quốc gia trong khu vực có vùng biển chồng lấn tìm mọi cách ban hành và thực thi pháp luật của quốc gia mình về khai thác trong vùng biển chồng lấn. Đồng thời, để chứng minh yêu sách chủ quyền của quốc gia mình trên các vùng biển đó, các nước không ngừng tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát thậm chí xua đuổi, bắt giữ tàu cá của ngư dân nước ngoài khi khai thác trong vùng biển chồng lấn giữa quốc gia đó với Việt Nam. [11]

Do các quy định về khai thác hải sản là khác nhau nên khi tàu thuyền nước ngoài trong đó có tàu cá của ngư dân Việt Nam khai thác đánh bắt trên vùng biển chồng lấn rất dễ bị các lực lượng chấp pháp nước ngoài xua đuổi, thậm chí là bắt giữ, khởi tố tư pháp. [11]

Theo thống kê của Lực lượng Cảnh sát biển, chỉ trong tháng 4 và tháng 5-2020, đã có 108 tàu cá Việt Nam khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài bị lực lượng chức năng các nước bắt giữ, xử lý, trong đó chủ yếu là tàu cá của ngư dân các tỉnh Bình Định, Bến Tre, Cà

¹² Điều 74; 83 Công ước luật biển 1982.

¹³ <https://iuscogens-vie.org/2017/03/15/03/>. Truy cập ngày 01/02/2021.

Mau, Kiên Giang và Tiền Giang. Khu vực bắt giữ thường xảy ra ở các vùng biển giáp ranh với Campuchia, Thái Lan, Malaysia và Indonesia¹⁴.

Ngày 23-9-2017, Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao nhận được thông tin lực lượng cảnh sát biển Philippines đã bắn vào tàu cá của tỉnh Phú Yên mang số hiệu PY 96173 TS làm chết hai ngư dân và bắt giữ một số ngư dân khác¹⁵; ngày 11-9-2015, tàu chiến Thái Lan cũng xả súng vào tàu cá Việt Nam làm một ngư dân thiệt mạng. Bộ Ngoại giao Việt Nam đã có công hàm phản đối và yêu cầu phía Thái Lan điều tra làm rõ¹⁶. Ngày 13-4-2017, khi 5 tàu cá của Kiên Giang cùng 70 ngư dân đang đánh bắt ở khu vực cách đông nam Hòn Khoai (Cà Mau) khoảng 150 hải lý thì bị tàu Indonesia bắt giữ¹⁷.

Trước đó vào khoảng 12 giờ, ngày 11-9-2015, tàu cá KG94811 TS và KG94812 TS đang đánh bắt tại vùng biển chồng lấn giữa ba nước Việt Nam, Thái Lan và Malaysia, thì xuất hiện tàu Thai Police 528, trên tàu có sáu đến bảy người mặc đồ đen, có trang bị vũ khí. Khi phát hiện tàu lạ, tàu cá KG94811 TS và KG94912 TS chạt cào, bỏ chạy. Tàu Thai Police 528 liền đuổi theo tàu KG94811 TS. Trong khi đuổi, qua bộ đàm một người trên tàu Thai Police 528 nói bằng tiếng Việt "Tàu Việt Nam dừng lại, không dừng lại sẽ bắn chết". Vừa nói tàu Thai Police 528 vừa đuổi bắn vào tàu KG94811 TS. Khoảng 15 phút sau, thuyền trưởng Nguyễn Hùng Cường bị trúng đạn vào đùi phải, nhưng ông Cường vẫn tiếp tục lái tàu hướng về vùng biển Việt Nam. Tàu Thai Police 528 không tiếp tục đuổi tàu KG94811 TS mà quay lại đuổi và bắn tàu KG94912 TS. Trong khoảng 10 phút, tàu Thai Police 528 quay sang đuổi và bắn tàu KG94059 TS. Hai tàu KG94811 TS và KG94912 TS chạy thoát, đến ngày 12-9 về đến Sông Đốc (Cà Mau)¹⁸.

Vào khoảng 13 giờ 30 cùng ngày, tàu KG94005 TS và KG9376 TS đang đánh bắt tại vùng biển chồng lấn giữa ba nước Việt Nam, Thái Lan và Malaysia đã bị tàu của lực lượng chấp pháp Thai Police đuổi bắn. Ngư phủ Trần Văn Sang bị trúng đạn vào đùi chân trái. Sau khi bắt được tàu KG94005 TS, những người trên tàu Thai Police 528 đã trói các thủy thủ tàu cá, đồng thời đánh thuyền trưởng bằng báng súng. Lực lượng chấp pháp của Thái Lan đã lấy đi tất cả những thiết bị trên tàu, vật dụng có giá trị của ngư phủ; bắt thuyền trưởng tàu cá sang tàu Thai Police 528 và lái tàu KG94005 chạy về hướng vùng biển Thái Lan. Sau đó, tàu Thai Police 528 tiếp tục

¹⁴ <https://canhsatbien.vn/portal/tro-giup-ngu-dan/day-manh-cac-hoat-dong-bao-ve-ngu-dan-tau-ca-viet-nam-khai-thac-hai-san-tren-bien-chong-iuu>; truy cập 22/02/2021.

¹⁵ <http://cand.com.vn/Su-kien-Binh-luan-thoi-su/Phan-doi-Philippines-ban-tau-ca-cua-Viet-Nam-khien-hai-ngu-dan-thiet-mang-459487/>; đăng 25/09/2017. Truy cập 22/02/2021.

¹⁶ http://congan.com.vn/tin-chinh/len-an-viec-tau-thai-lan-truy-duoi-tan-cong-tau-ca-viet-nam_7633.html; truy cập 22/02/2021.

¹⁷ <https://tuoitre.vn/bat-ngu-dan-trong-vung-bien-chong-lan-la-trai-luat-quoc-te-20171216150449446.htm>; Truy cập 24/02/2021.

¹⁸ <https://nhandan.com.vn/thoi-su-phap-luat/ket-luan-dieu-tra-vu-tau-nuoc-ngoai-bat-giu-va-ban-ngu-dan-viet-nam-242678/>; Truy cập 22/03/2021.

truy đuổi và bắn hai tàu cá KG94059 TS và KG94058 TS. Hậu quả là thuyền trưởng tàu KG94059 TS Ngô Văn Sinh chết tại chỗ. Khi phát hiện đã bắn chết người, tàu Thai Police 528 quay lại thả tàu KG94005 và các thủy thủ về Việt Nam¹⁹.

Các hành vi tấn công gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng đối với ngư dân Việt Nam của các lượng lượng chấp pháp nước ngoài đã vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật quốc tế nói chung như “nguyên tắc cấm dùng vũ lực” được ghi nhận trong Hiến chương LHQ, Công ước Luật biển 1982 cũng như các quy định được ghi nhận trong Điều 4, Bộ quy tắc ứng xử trên biển Đông (DOC) mà các quốc gia đã ký kết năm 2002. [2]

Ngoài ra, các hành vi trên đã tạo ra tâm lý hoang mang lo sợ cho ngư dân Việt Nam mỗi khi tiến hành khai thác trên các vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam với các quốc gia khác, điều nay đã đe dọa nghiêm trọng đến sinh kế của hàng ngàn ngư dân Việt Nam. Nhiều ngư dân phải thay đổi ngư trường đánh bắt truyền thống của mình với sản lượng và năng suất khai thác thấp hơn rất nhiều, hoặc chấp nhận không ra khơi vì sợ bị tấn công, bị bắt giữ sẽ mất tài sản thậm chí là mất mạng.

Thực trạng này không chỉ ảnh hưởng tới sinh kế của ngư dân, nguồn cung cho nguyên liệu cho thị trường xuất khẩu thủy sản... mà còn tác động rất lớn đến chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong chiến lược bảo vệ và thực thi chủ quyền quốc gia trên biển, đảo hiện nay của Việt Nam²⁰ khi mà mỗi ngư dân, mỗi con thuyền với lá cờ Việt Nam tung bay trên biển khơi cũng chính là những cột mốc sống khẳng định chủ quyền của tổ quốc trên đó.

3.2. Nguyên nhân của những xung đột trên

Việc ngư dân bị các lực lượng chấp pháp nước ngoài cản trở và tấn công khi hoạt động ngư nghiệp trên các vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam và các quốc gia khác là do nhiều nguyên nhân khác nhau. Có thể, lực lượng chấp pháp nước ngoài cố tình cản trở, tấn công ngư dân trái pháp luật, nhưng các hành vi đó cũng có thể xuất phát từ các hành vi, vi phạm khi hoạt động ngư nghiệp của ngư dân Việt Nam trên các vùng biển đó. Tuy nhiên, về cơ bản, có thể xác định các nguyên nhân chính sau đây dẫn tới ngư dân Việt Nam bị cản trở và tấn công khi hoạt động trên các vùng biển chồng lấn:

Một là, hiện nay các vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam với các quốc gia trên cũng chính là những vùng biển có tranh chấp về yêu sách chủ quyền giữa Việt Nam và các quốc gia đó. Do vậy, để thực thi yêu sách chủ quyền của quốc gia mình đối với các vùng biển, các quốc gia sẽ

¹⁹ <https://nhandan.com.vn/thoi-su-phap-luat/ket-luan-dieu-tra-vu-tau-nuoc-ngoai-bat-giu-va-ban-ngu-dan-viet-nam-242678/>; Truy cập 22/03/2021.

²⁰ <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/05/19/bao-ve-chu-quyen-bien-dao-viet-nam-va-trach-nhiem-cua-the-he-tre-hom-nay/>. Truy cập 28/02/2021.

tăng cường hiện diện lực lượng chấp pháp để chứng minh cho việc thực thi yêu sách chủ quyền của quốc gia mình trên các vùng biển có tranh chấp kể cả việc tấn công ngư dân nước ngoài khi họ khai thác trên vùng biển chồng lấn.

Hai là, các thỏa thuận về khai thác chung trên các vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam và các quốc gia khác còn khá sơ sài và thiếu tính ràng buộc cao. Ví dụ, Bản ghi nhớ về khai thác chung giữa Việt Nam và Malaysia mới chỉ dừng lại ở việc điều chỉnh hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí chung giữa các nước tại khu vực chồng lấn thêm lục địa, chứ không hề đề cập đến hoạt động nghề cá²¹; Hiệp định về Vùng nước lịch sử giữa Việt Nam và Campuchia quy định khá sơ sài về hoạt động đánh bắt cá: “việc đánh bắt hải sản của nhân dân địa phương trong vùng này vẫn tiếp tục theo tập quán làm ăn từ trước tới nay” [8]. Quy định này thể hiện mục đích chính mà Hiệp định hướng không phải là phát triển chung hay hợp tác nghề cá; Việt Nam và Indonesia cũng mới chỉ cam kết việc phân định thêm lục địa cũng như các thỏa thuận về hợp tác dầu khí đối với các mỏ dầu nằm trên đường phân định giữa hai quốc gia. Vấn đề phân định vùng đặc quyền kinh tế vẫn còn bỏ ngỏ. Bên cạnh đó, Việt Nam và Indonesia vẫn chưa có thỏa thuận khai thác chung trên vùng đặc quyền kinh tế chồng lấn. [7]

Ba là, sự khác biệt về hệ thống pháp luật giữa Việt Nam và các quốc gia trên dẫn tới có nhiều quy định về khai thác như phương tiện khai thác, giấy phép khai thác, chủng loại khai thác... Điều này dẫn tới việc ngư dân Việt Nam khai thác trong vùng biển chồng lấn đúng với pháp luật về khai thác hải sản của Việt Nam nhưng lại không đúng với pháp luật của nước bạn thì khi gặp lực lượng chấp pháp của nước bạn kiểm tra thì vẫn bị xem là vi phạm và có thể bị bắt giữ và xử lý. [4, 11]

Bốn là, hạn chế trong việc nắm bắt các quy định pháp lý về việc khai thác trên các vùng biển chồng lấn của ngư dân cũng là nguyên nhân dẫn tới các vi phạm trên. Bên cạnh đó, một bộ phận ngư dân tuy nắm bắt được các quy định nhưng vì lợi ích kinh tế vẫn cố tình vi phạm²².

Năm là, có những quốc gia chưa thật sự thiện chí thực hiện các cam kết quốc tế nói chung như Công ước luật biển 1982, Bộ quy tắc ứng xử trên biển Đông DOC cũng như các thỏa thuận song phương nói riêng để nhằm thực hiện mưu đồ độc chiếm toàn bộ vùng biển mà họ đưa ra yêu sách chủ quyền – kể cả đó là yêu sách chủ quyền phi lý. [13]

Sáu là, do lực lượng mỏng, trang thiết bị còn hạn chế nên sự hiện diện của các lực lượng chấp pháp của Việt Nam trên biển nhất là các vùng biển xa – vùng biển có xu hướng và nguy cơ chồng lấn cao thường hạn chế do vậy nhiều khi chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn trong

²¹ <http://www.danvan.vn/Home/Bien-dao-Viet-Nam/11880/Bai-2-Bao-ve-chu-quyen-bien-dao>; Truy cập 22/03/2021.

²² <https://canhsatbien.vn/portal/tro-giup-ngu-dan/day-manh-cac-hoat-dong-bao-ve-ngu-dan-tau-ca-viet-nam-khai-thac-hai-san-tren-bien-chong-luu>; truy cập 02/03/2021.

việc bảo vệ và hỗ trợ ngư dân khi khai thác trên bên nhất là khi bị lực lượng nước ngoài tấn công hay cản trở quyền khai thác của ngư dân Việt Nam. [13]

4. Các khuyến nghị cho vấn đề trên

4.1. Các khuyến nghị về mặt pháp lý

Thứ nhất, cần phải sửa đổi và ban hành thống nhất các quy định về hoạt động khai thác thủy hải sản hiện nay của Việt Nam theo quy định, tiêu chuẩn của các nước trong khu vực nói riêng và thế giới nói chung. Một trong những nguyên nhân khiến ngư dân Việt Nam bị ngăn cản, bắt giữ khi khai thác trên các vùng biển chồng lấn là việc ngư dân sử dụng các phương tiện khai thác, phương pháp khai thác... tuy đúng với pháp luật Việt Nam nhưng lại trái với các quy định về hoạt động khai thác của các nước có vùng biển chồng lấn với chúng ta.

Trong trường hợp chưa thể sửa đổi bổ sung và ban hành các quy định thống nhất được thì cần thỏa thuận với các nước có vùng biển chồng lấn để cùng nhau xây dựng bộ quy tắc với những quy định, quy chuẩn chung về hoạt động khai thác trên các vùng biển chồng lấn hiện nay giữa các nước với nhau để tạm thời trước mắt giải quyết bài toán xung đột về pháp luật giữa các quốc gia trong hoạt động kiểm soát khai thác trên vùng biển chồng lấn hiện nay.

Thứ hai, về lâu dài Việt Nam cần tích cực đàm phán với các quốc gia có vùng biển chồng lấn để phân định và hoạch định các vùng biển chồng lấn giữa hai bên một cách cụ thể và chi tiết theo quy định của Công ước luật biển 1982 của LHQ mà cả Việt Nam và các quốc gia trên đều là thành viên đầy đủ. Đây là giải pháp mang tính ổn định lâu dài và vĩnh viễn cho Việt Nam và các bên có vùng biển chồng lấn với chúng ta, không những sẽ góp phần đảm bảo quyền khai thác của ngư dân Việt Nam trên các vùng biển mà còn góp phần giải quyết xung đột, tranh chấp trên biển đảm bảo hòa bình và an ninh trên biển giữa Việt Nam và các quốc gia có vùng biển chồng lấn.

Thứ ba, trong trường hợp chưa thể đàm phán và phân định chi tiết các vùng biển chồng lấn thì các quốc gia trong khu vực cần sớm xây dựng một bộ quy tắc chung về khai thác đánh bắt hải trên các vùng biển chồng lấn ở biển Đông hiện nay để áp dụng thống nhất cho tất cả các quốc gia.

4.2. Các khuyến nghị mang tính thực tiễn

Thứ nhất, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về quy định khai thác trên biển bao gồm không chỉ các quy định của pháp luật Việt Nam mà còn cả các quy định của pháp luật quốc tế, pháp luật các quốc gia có vùng biển chồng lấn, tiếp giáp với Việt Nam để ngư dân nắm bắt và thực thi, nhất là nhóm ngư dân thường có hoạt động khai thác, đánh bắt xa bờ và đánh bắt trong các vùng chồng lấn giữ Việt Nam và các nước khác. Trong đó, cần phổ

biển và phát tận tay ngư dân các bản đồ thể hiện các ngư trường có vùng biển chồng lấn, với những điểm và diện tích chồng lấn cụ thể để ngư dân biết và thực thi đầy đủ.

Thứ hai, bên cạnh công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân thì chúng ta cũng phải tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra và nâng cao hơn nữa các chế tài xử lý vi phạm hoạt động khai thác của ngư dân trên biển nói chung và tại các vùng biển chồng lấn nói riêng qua đó kịp thời ngăn chặn các hành vi cố tình vi phạm của ngư dân khi khai thác trên các vùng biển chồng lấn qua đó gây thiệt hại cho ngư dân khi bị nước khác bắt giữ và căng thẳng cho quan hệ giữa Việt Nam và chính các quốc gia có vùng biển chồng lấn.

Thứ ba, cần tăng cường hơn nữa sự hiện diện các lực lượng chấp pháp cũng như cứu hộ, cứu nạn trên biển của Việt Nam như Cảnh sát biển, Kiểm ngư... tại các vùng biển chồng lấn để có thể kịp thời hỗ trợ ngư dân khi gặp các khi gặp các sự cố trên biển cũng như khi bị lực lượng chấp pháp nước bạn tấn công và cản trở khi khai thác trên các vùng biển chồng lấn giữa hai nước với nhau. Có như vậy, ngư dân Việt Nam sẽ yên tâm vươn khơi bám biển và tự tin tham gia khai thác trong các vùng biển chồng lấn mà không sợ sự đe dọa và tấn công của các lực lượng chấp pháp nước khác.

Thứ tư, đẩy mạnh công tác đối ngoại, hợp tác chặt chẽ với lực lượng thực thi pháp luật trên biển của các nước trong khu vực để trao đổi, chia sẻ thông tin nhằm phối hợp xử lý nhanh chóng, hiệu quả các vụ việc phát sinh liên quan đến ngư dân, tàu cá của Việt Nam và các nước vi phạm khai thác trái phép trên tinh thần nhân văn, nhân đạo, phù hợp với luật pháp trong nước và quốc tế. Khi giải quyết các vụ việc có yếu tố nước ngoài, cần kết hợp chặt chẽ các yêu cầu về chính trị, pháp luật và nghiệp vụ để xử lý linh hoạt, mềm dẻo các tình huống, bảo đảm hài hòa cả vấn đề lợi ích kinh tế, chính trị, quốc phòng – an ninh, đối ngoại và đối nội của đất nước.

5. Kết luận

Đảm bảo quyền khai thác của ngư dân Việt Nam trên các vùng biển nói chung, các vùng biển chồng lấn giữa Việt Nam và các quốc gia trong khu vực nói riêng là vấn đề cấp bách quan trọng và mang tính chiến lược lâu dài, không chỉ đảm bảo sinh kế cho hàng trăm nghìn ngư dân, đảm bảo nguồn cung nguyên liệu cho thị trường xuất khẩu thủy hải sản mà còn góp phần quan trọng trong việc thực thi yêu sách chủ quyền của Việt Nam trên các vùng biển xa khơi của tổ quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Liên Hợp Quốc (1982), Công ước luật biển 1982 được thông qua tại thành phố Môn-tê-gô-bay của Gia-mai-ca vào ngày 10/12/1982. Truy cập ngày 20-03-2021 tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Cong-uoc-Lien-hop-quoc-ve-Luat-bien-10-12-1982-86219.aspx>.
2. Tuyên bố về ứng xử của các bên ở biển Đông 2002 (DOC). Truy cập ngày 07-10-2021 tại <http://tapchiquptd.vn/vi/bien-dao-viet-nam/nhung-noi-dung-co-ban-cua-tuyen-bo-ve-ung-xu-cua-cac-ben-o-bien-dong-doc/10366.html>.
3. Quốc Hội nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012) *Luật biển Việt Nam* số 18/2012/QH13; Truy cập ngày 05-02-2021 tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Luat-bien-Viet-Nam-2012-143494.aspx>.
4. Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017) *Luật thủy sản* số 18/2017/QH14; Truy cập ngày 18-02-2021 tại <https://www.bqllang.gov.vn/van-ban/vbpq-do-nha-nuoc-ban-hanh/8075-luat-thuy-san-so-18-2017-qh14-duoc-quoc-hoi-nuoc-cong-hoa-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam-khoa-xiv-ky-hop-thu-4-thong-qua.html>.
5. Bộ ngoại giao (1997), *Hiệp định giữa chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chính phủ Vương quốc Thái Lan về phân định gianh giới trên biển giữa hai nước trong Vịnh Thái Lan*; Truy cập ngày 28-03-2021 Tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/hiep-dinh-phan-dinh-ranh-gioi-tren-bien-giua-hai-nuoc-trong-vinh-thai-lan-115758.aspx?v=d>.
6. Bộ ngoại giao (2004), *Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của hai nước trong Vịnh Bắc Bộ*. Số: 52/2004/LPQT; Truy cập 01-10-2021 tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hiep-dinh-phan-dinh-lanh-hai-vung-dac-quyen-kinh-te-them-luc-dia-cua-hai-nuoc-trong-Vinh-Bac-Bo-giua-Viet-Nam-Cong-hoa-nhan-dan-Trung-Hoa-2004-17456.aspx>.
7. Bộ ngoại giao (2003) *Hiệp định giữa chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chính phủ nước Cộng hòa Indonesia về phân định ranh giới thềm lục địa*; Truy cập ngày 22-03-2021 tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Hiep-dinh-phan-dinh-ranh-gioi-them-luc-dia-giua-Viet-Nam-Indonesia-115570.aspx>.
8. Bộ ngoại giao (1982) *Hiệp định về vùng nước lịch sử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia*; Truy cập ngày 07-10-2021 tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/hiep-dinh-vung-nuoc-lich-su-viet-nam-campuchia-115569.aspx?v=d>.
9. Nguyễn Bá Điển (2007), Vấn đề phân định biển trong Luật biển quốc tế hiện đại, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế – Luật*, T.XXIII.
10. Nguyễn Bá Điển (2013), *Hợp tác cùng phát triển ở các vùng biển trong pháp luật và thực tiễn quốc tế*, (Sách chuyên khảo), Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
11. Nguyễn Bá Điển (2008), Các vùng khai thác chung trong Luật quốc tế hiện đại, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế – Luật*, 24, (2).

12. Nguyễn Bá Diển (2009), *Hợp tác khai thác chung trong Luật biển quốc tế Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, (Sách chuyên khảo), Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
13. Nguyen, Hong Thao (2012), Quan điểm của Việt Nam về chủ quyền đối với Hoàng Sa và Trường Sa: Yêu sách Hàng hải của nó. *Tạp chí Đông Á và Luật quốc tế*, Tập 5 (1), trang 165–211.